

**CHƯƠNG TRÌNH  
BÊ TÔNG HÓA GIA THÔNG NÔNG THÔN,  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. Các căn cứ xây dựng chương trình**

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn chiến lược năm 2030;

Căn cứ các Quyết định: số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và số 2832/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**II. Sự cần thiết xây dựng chương trình**

Hệ thống đường giao thông nông thôn là một trong những mắt xích thiết yếu kết nối các vùng nông thôn với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường liên xã, các khu đô thị, khu công nghiệp... thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện phát triển cơ giới hoá trong sản xuất, trao đổi hàng hóa, đẩy mạnh, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân khu vực nông thôn.

Trong tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giao thông nông thôn có vai trò và vị trí rất quan trọng. Nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ sản xuất, đảm bảo lưu thông hàng hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực nông nghiệp và nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân và để đảm bảo hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh phù hợp theo Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 thì việc ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 là hết sức cần thiết.

**III. Nội dung chương trình**

**1. Phạm vi chương trình**

- Bê tông hoá hệ thống đường giao thông nông thôn bao gồm: Đường xã

(đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trục chính xã); đường liên thôn; đường ngõ xóm; đường trục chính nội đồng và các trường hợp: tuyến đường trên địa bàn các xã, phường trên địa bàn tỉnh có chiều rộng hiện tại nhỏ hơn 4m nhưng không thể mở rộng đường theo quy mô tối thiểu do dân cư sinh sống hai bên tuyến khá dày.

- Các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng được xem xét hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng, gồm: Hệ thống đường bê tông giao thông nông thôn bao gồm: Đường liên xã (các tuyến đường huyện (ĐH) trước đây), đường xã (đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trục chính xã), đường liên thôn, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng đã được khai thác tối thiểu 08 năm đạt quy mô đường loại A, loại B bị hư hỏng, xuống cấp.

## 2. Mục tiêu của chương trình

### a) Mục tiêu tổng quát:

- Đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi, phục vụ sản xuất, đảm bảo lưu thông hàng hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực nông nghiệp và nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân.

- Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn bền vững, thống nhất quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật trên phạm vi toàn tỉnh, đáp ứng tiêu chí trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy nội lực trong nhân dân theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Tranh thủ mọi nguồn lực và lồng ghép các chương trình mục tiêu dự án đầu tư cho bê tông hóa giao thông nông thôn.

**b) Mục tiêu cụ thể:** Hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030, hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh phấn đấu từng bước phù hợp với chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011, cụ thể: bê tông hóa đường giao thông nông thôn khoảng 1.787 km đường và sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng khoảng 980 km đường.

### 3. Về quy mô kết cấu mặt đường

Trên cơ sở các yêu cầu quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 4054:2005 “Đường ô tô - yêu cầu thiết kế”; TCVN 10380:2014 “Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế”, Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 quy định 4 loại kết cấu mặt đường BTXM sau đây:

TT	Loại đường	Nội dung	Thông số	Ghi chú
1	A	Tốc độ tính toán	30 (20)Km/h	Sử dụng xi măng loại PC40; độ sụt 2-4cm; đã tính tỷ lệ hao hụt
		Bề rộng nền đường	6,5 (6,0)m	
		Bề rộng mặt đường	3,5m	
		Chiều dày	20cm	
Mác bê tông (đá 2x4)	250daN/cm <sup>2</sup>			
2	B	Tốc độ tính toán	20 (15)Km/h	

TT	Loại đường	Nội dung	Thông số	Ghi chú
		Bề rộng nền đường	5,0 (4,0)m	
		Bề rộng mặt đường	3,0m	
		Chiều dày	18cm	
		Mác bê tông (đá 2x4)	250daN/cm <sup>2</sup>	
3	C	Tốc độ tính toán	15 (10)Km/h	
		Bề rộng nền đường	4,0 (3,0)m	
		Bề rộng mặt đường	2,5m	
		Chiều dày	16cm	
		Mác bê tông (đá 2x4)	200daN/cm <sup>2</sup>	
4	D	Bề rộng nền đường	4,0 (3,0)m	
		Bề rộng mặt đường	2,0m	
		Chiều dày	16cm	
		Mác bê tông (đá 2x4)	200daN/cm <sup>2</sup>	

Số trong ngoặc (.) chỉ áp dụng cho các trường hợp điều kiện địa hình khó khăn vùng trung du và miền núi.

Chiều rộng quy định trên đây là tối thiểu, không khống chế chiều rộng tối đa; trường hợp, các địa phương, người dân 2 bên tuyến có đủ nguồn lực thì có thể mở rộng quy mô mặt đường lớn hơn tùy theo khả năng đối ứng để đầu tư cho phù hợp với quy hoạch hoặc tình hình thực tế của địa phương.

*Lưu ý: Đối với bê tông hoá hệ thống đường giao thông nông thôn chỉ áp dụng đối với đường giao thông nông thôn chưa bê tông hóa (đường đất cấp phối đồi, cấp phối đá dăm...).*

#### 4. Về cơ chế hỗ trợ

##### a) Bê tông hoá giao thông nông thôn:

\* Ngân sách tỉnh:

- Hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng đến công trình để xây dựng đường giao thông nông thôn, với định mức:

TT	Loại đường	Thông số kỹ thuật				Định mức hỗ trợ Xi măng/1Km (T)
		B <sub>n</sub> (m)	B <sub>m</sub> (m)	dày (cm)	Mác BTXM đá 2x4	
1	A	6,5	3,5	20	250	198
2	B	5,0	3,0	18	250	153
3	C	4,0	2,5	16	200	97
4	D	4,0	2,0	16	200	78

- Đối với đường xã, trục chính xã với quy mô loại A, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 250 triệu đồng/Km đường.

- Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã đến các làng, thôn, bản ở các xã, phường có đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp thuộc các xã, phường miền núi của tỉnh, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm, cụ thể:

+ Đối với quy mô loại A là 290 triệu đồng/Km đường;

- + Đối với quy mô loại B là 380 triệu đồng/Km đường;
- + Đối với quy mô loại C là 300 triệu đồng/Km đường;
- + Đối với quy mô loại D là 245 triệu đồng/Km đường.

\* *Phần kinh phí còn lại:* Các địa phương tự cân đối từ các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng hoàn thành công trình.

***b) Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng:***

\* *Đối với ngân sách tỉnh:* Hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng đến chân công trình để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường liên xã, đường xã và sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại đạt quy mô loại A, B, cụ thể như sau:

- Đối với các tuyến đường liên xã (*các tuyến đường huyện (ĐH) trước đây*): Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường liên xã đạt bề rộng mặt đường  $B_m=5,5m$ , chiều dày 22cm, mác bê tông đạt 300 daN/cm<sup>2</sup>, đá 2x4.

+ Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 389 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ ( $B_m$  cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 177 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ ( $B_m$  cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 141 tấn/1km đường.

- Đối với các tuyến đường xã (đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trực chính xã): Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường xã đạt bề rộng mặt đường tối đa  $B_m=5,5m$ , chiều dày 20cm, mác bê tông đạt 300 daN/cm<sup>2</sup>, đá 2x4.

+ Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 354 tấn xi măng/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ ( $B_m$  cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 161 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ ( $B_m$  cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 128 tấn/1km đường.

- Đối với các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại:

+ Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại A, bề rộng mặt đường  $B_m=3,5m$  bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm<sup>2</sup>, đá 2x4, chiều dày 20cm; định mức xi măng sử dụng 198 tấn/1km đường.

+ Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại B, bề rộng mặt đường  $B_m=3,0m$  bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm<sup>2</sup>, đá 2x4, chiều dày 18cm; định mức xi măng sử dụng 153 tấn/1km đường.

*(Định mức xi măng nêu trên là tối đa cho 1Km đường tính theo thực tế từng đoạn tuyến trên tuyến đường bị hư hỏng, khối lượng cụ thể cho từng tuyến đường theo hồ sơ thiết kế của từng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*

\* *Phần kinh phí còn lại:* Các địa phương tự cân đối từ các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng hoàn thành công trình.

## 5. Dự kiến khối lượng thực hiện, lượng xi măng và giá trị hỗ trợ

### a) Bê tông hoá giao thông nông thôn

TT	Loại đường	Quy mô đầu tư	Số Km đường	Định mức XM hỗ trợ /1Km (Tấn)	Khối lượng XM hỗ trợ (Tấn)
1	Đường xã (đường liên xã, đường trục chính xã), Đường thôn (đường trục thôn) và các tuyến đường trên địa bàn các xã, phường trên địa bàn tỉnh có chiều rộng hiện tại nhỏ hơn 4m	A	366,226	198	72.513
		B	956,209	153	146.300
2	Đường thôn (các loại đường còn lại: đường ngõ, xóm, đường nội đồng)	C	306,454	97	29.726
		D	158,914	78	12.395
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.787,80</b>		<b>260.934</b>

### b) Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng:

TT	Loại đường	Tổng số Km đường cần được sửa chữa, mở rộng, giai đoạn 2026 - 2030 (Km)	Khối lượng XM hỗ trợ (Tấn)
1	Sửa chữa kết hợp mở rộng đường liên xã, đường xã đạt bề rộng mặt đường 5,5m	230,662	83.449
2	Mở rộng đường liên xã, đường xã đạt bề rộng mặt đường 5,5m	435,021	67.259
3	Sửa chữa đường giao thông nông thôn loại A	140,636	27.846
4	Sửa chữa đường giao thông nông thôn loại B	174,121	26.641
<b>Tổng cộng</b>		<b>980,440</b>	<b>205.194</b>

## 6. Tổng nguồn kinh phí tính hỗ trợ

- Kinh phí tính hỗ trợ Bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 là 857,38 tỷ đồng.

- Kinh phí tính hỗ trợ Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng, giai đoạn 2026 - 2030 là 307,79 tỷ đồng.

Tổng kinh phí tính hỗ trợ là 1.165,17 tỷ đồng.

**7. Nguồn vốn thực hiện:** Từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2026 - 2030.

## **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Về phương thức thực hiện**

- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế mẫu và danh mục công trình;
- Sở Xây dựng ban hành tài liệu, xây dựng các văn bản hướng dẫn về thiết kế mẫu và kỹ thuật, trình tự thi công; hướng dẫn các địa phương trong việc triển khai thực hiện; tổng hợp danh mục công trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện theo từng năm, cả giai đoạn; hướng dẫn thực hiện theo cơ chế đặc thù nhằm tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Sở Tài chính tham mưu về nguồn vốn thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý và quyết toán lượng xi măng nhà nước hỗ trợ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban chỉ đạo hoặc giao cho các phòng ban nghiệp vụ (phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị hoặc phòng Kinh tế) theo dõi, quản lý chung các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng;
- Chủ đầu tư giao các tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện hoàn thành công trình; một số địa phương người dân tự thực hiện theo hướng dẫn của Sở Xây dựng;
- Kho bạc Nhà nước ban hành cơ chế thanh toán, quyết toán công trình do nhân dân tự thực hiện.

### **2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan**

#### **a) Sở Xây dựng:**

- Trên cơ sở nhu cầu đăng ký danh mục công trình các tuyến đường giao thông nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ theo Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch danh mục hỗ trợ hàng năm.
- Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch Bê tông hóa giao thông nông thôn hàng năm; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất các biện pháp, cơ chế hỗ trợ thực hiện để các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện.
- Phối hợp với Sở Tài chính xác định nhu cầu xây dựng, vốn đầu tư cho Kế hoạch Bê tông hóa giao thông nông thôn hàng năm theo cơ chế hỗ trợ đầu tư Bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Ban hành thiết kế mẫu, lập dự toán mẫu, hướng dẫn kỹ thuật thi công để các địa phương áp dụng.
- Hướng dẫn thực hiện theo cơ chế đặc thù nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình..
- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông nông thôn; hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng xây dựng công trình giao thông và kiểm tra đôn đốc tiến độ thực hiện, chất

lượng công trình đường giao thông nông thôn theo thẩm quyền.

**b) Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất nguồn vốn để thực hiện cơ chế hỗ trợ đầu tư Bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**c) Ủy ban nhân dân cấp xã:**

- Chủ động các nguồn vốn đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, huy động các nguồn vốn đóng góp của nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo, duy tu hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn từng năm; tổng hợp đăng ký danh mục công trình các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn theo Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch hằng năm.

- Trực tiếp quản lý việc xây dựng, bảo trì các công trình đã được đầu tư. Có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo quý, năm, đột xuất về kết quả thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính theo quy định.

- Tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu, triển khai thực hiện, thanh toán, quyết toán đúng theo quy định. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của danh mục công trình, đảm bảo tính chính xác và đúng đối tượng, mục đích theo quy định đạt hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn quản lý theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính, Sở Xây dựng định kỳ hàng quý trong năm./.

---